

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DS-ST  
Ngày: 15-3-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Phan Thị Mai Dung.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Nguyễn Thị Kim Đào;
- Ông Đoàn Tấn Tiên;

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** Võ Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 427/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1997; HKTT: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ: Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Ngày 23-9-2022 âm lịch (ngày 18-10-2022 dương lịch) bà Nguyễn Thị Kiều T1 có mượn của chị số tiền 500.000.0000 đồng. Thời hạn trả là 03 tháng tính từ ngày 23-9-2022 dương lịch lãi suất thoả thuận là 4%/tháng. Bà thu có viết giấy mượn tiền cho chị. Từ khi mượn tiền cho đến nay bà T1 có trả cho chị 4.000.000 đồng tiền lãi rồi ngưng cho đến nay. Nay chị yêu cầu bà T1 trả tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay 23-9-2022 cho đến khi xét xử theo mức lãi suất 20%/năm, đồng ý khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng tiền lãi đã nhận.

*\* Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kiều T1 trình bày:*

Bà có vay tiền của chị T hai lần, một lần 300.000.000 đồng, một lần 200.000.000 đồng. Chị T kêu bà dồn giấy nợ lại ghi chung một ngày là 23-9-2022, bà thừa nhận chữ viết và ký tên trong giấy mượn tiền là của bà. Trong số 500.000.000 đồng, bà có giao cho chị T chiếc máy cày để trừ 300.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ chị T 200.000.000 đồng, bà có trả dần cho chị T được 100.000.000 đồng, hiện bà còn thiếu chị T 100.000.000 đồng. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu.*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà T1 có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 500.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày vay cho đến khi xét xử, trừ số tiền lãi đã nhận là 4.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T1 trả cho chị T số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Bà T1 sinh sống tại ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T1 trả số tiền 500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Thủy cung c giấy mượn tiền ghi ngày 18-10-2022 dương lịch số tiền 500.000.000 đồng. Bà T1 xác nhận giấy mượn tiền này do bà viết và ký tên. Chị T yêu cầu bà T1 trả tiền nhưng bà T1 không trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị T nên chị khởi kiện yêu cầu bà T1 trả tiền cho chị T là có cơ sở.

Bà T1 cho rằng bà có mượn của chị T 500.000.000 đồng, bà bán chiếc máy cày 300.000.000 đồng cho chị T, ngoài ra bà T1 có trả dần cho chị T số tiền

100.000.000 đồng nên bà chỉ còn thiếu chị T 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Trong giấy nợ vẫn thể hiện bà T1 có vay của chị T số tiền 500.000.000 đồng, không thể hiện có trừ số tiền bán máy cày, hay số tiền bà T1 trả dần, giấy mượn tiền vẫn thể hiện bà T1 có vay của chị T 500.000.000 đồng. Bà T1 không đưa ra được chứng cứ nên bà T1 phải trả cho chị T số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu trả tiền lãi của chị Trần Thị Thu T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị T, bà T1 thống nhất lãi suất thoả thuận khi vay là 4%/tháng. Tuy nhiên khoản 1 Điều 468 quy định: “.. .. trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. . .” chị T cũng yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm nên lãi suất được tính là 20%/năm là phù hợp với quy định trên. Tiền lãi được tính như sau:

Ngày vay 18-10-2022 dương lịch, ngày xét xử là 15-3-2024, là 16 tháng 27 ngày x 20%/năm x 500.000.000 đồng = 140.833.000 đồng.

Chị T đồng ý khấu trừ 4.000.000 đồng vào tiền lãi nên tiền lãi bà T1 phải trả cho chị T tiền lãi là 136.833.000 đồng.

[4] Bà T1 có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 636.833.000 đồng, trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 136.833.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T yêu cầu bà T1 trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và 136.833.000 đồng tiền lãi. Yêu cầu của chị T được Tòa án chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 là 29.473.320 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Trần Thị Thu T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T1 trả cho chị Trần Thị Thu T số tiền 636.833.000 (Sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 136.833.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 chịu 29.473.320 (hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Chị Trần Thị Thu T không chịu án phí, hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.004.000đ (mười bốn triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0013921 ngày 04-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- Đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phan Thị Mai Dung**

